TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số: **59**/2023/DS-ST Ngày 26-6-2023 "*V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Thịnh.

2. Bà Dương Thị Ninh.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 15/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn H** (tên gọi khác: Trần Mạnh H), sinh năm 1973 và chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1979.

+ Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Phương N**, sinh năm 1978 và chị **Nguyễn Thị H** , sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị M, anh N, chị H có mặt; Anh H vắng mặt).

NHẬN THẤY:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Văn H và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M trình bày:***

Ngày 29/01/2018 anh chị cho vợ chồng anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H vay số tiền 94.000.000 đồng, khi vay các bên có lập hợp đồng giấy vay tiền do chính tay chị H viết và có chữ ký xác nhận vay tiền của chị H và anh N. Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 30/3/2018 anh N và chị H sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay trên cho anh chị nhưng đến ngày trả nợ anh N và chị H không trả tiền cho anh

chị, anh chị đã đòi nhiều lần thì đến ngày 10/4/2018 anh N và chị H viết giấy khất nợ và hẹn đến ngày 25/12/2018 anh N và chị H sẽ trả toàn bộ số tiền gốc đã vay và tiền lãi cho anh chị.

Đến hẹn trả nợ anh N và chị H không trả tiền cho anh chị, anh chị đã đòi nhiều lần và cũng đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên vào năm 2020, tiếp đó anh chị tiếp tục đòi nợ anh N và chị H, lần anh chị đến đòi nợ gần nhất là tháng 6/2021, từ đó đến nay anh N và chị H vẫn chưa trả tiền cho anh chị.

Nay anh chị khởi kiện anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, đề N Toà án xem xét, giải quyết buộc anh N và chị H cùng có trách nhiệm trả cho anh chị tổng số tiền vay nợ gốc là 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả là 1%/tháng tính từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/5/2023 là 53 tháng x 940.000đ/tháng = 49.820.000 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi anh chị yêu cầu anh N và chị H phải trả là 143.820.000đ (Một trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng). Ngoài ra anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

**** Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H cùng trình bày:***

Vào khoảng tháng 6, 7 năm 2017, vợ chồng anh chị có vay của vợ chồng anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M ở tổ dân phố Cống Đôi, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang số tiền 50.000.000 đồng và sau khi vay khoảng một tháng anh chị đã trả anh chị H M số tiền lãi hơn 7.000.000 đồng cùng 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền còn lại anh chị khất nợ và hẹn anh chị H M đến tháng 12/2017 anh chị sẽ trả nốt số tiền nợ còn lại nhưng đến thời điểm cuối năm 2017 anh chị làm ăn bị thua lỗ phải bán hết tài sản để trả nợ nhưng vẫn không trả nợ được cho anh chị H M. Đến ngày 29/01/2018 anh chị H M sau nhiều lần thuê người đòi nợ, đe dọa anh chị và yêu cầu anh chị viết giấy vay tiền với số tiền nợ là 94.000.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền ngày 29/01/2018 anh chị xác nhận là do chính tay chị H viết và anh chị cùng ký tên xác nhận vào phần người vay tiền, theo giấy vay tiền trên thì các bên không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 30/3/2018 anh chị sẽ toàn bộ số tiền đã vay trên cho anh chị H M nhưng đến ngày trả nợ anh chị không trả được tiền cho anh chị H M, anh chị H M có đòi nợ nhiều lần thì đến ngày 10/4/2018 anh chị có viết giấy khất nợ và hẹn đến ngày 25/12/2018 anh chị sẽ trả toàn bộ số tiền gốc đã vay và tiền lãi cho anh chị H M. Đến hẹn trả nợ anh chị vẫn chưa trả được tiền cho anh chị H M và anh chị H M có đòi nợ anh chị nhiều lần và lần anh chị H M đến đòi nợ anh chị gần nhất là tháng 6/2021, từ đó đến nay anh chị vẫn chưa trả được tiền cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M.

Nay anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết buộc anh chị cùng có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M tổng số tiền vay nợ gốc là 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả là 1%/tháng tính từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/5/2023 là 53 tháng x 940.000đ/tháng = 49.820.000 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi mà anh chị phải trả là 143.820.000đ (Một trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng) thì anh chị chỉ nhất trí trả số tiền vay nợ là 94.000.000 đồng. Còn đối với số tiền lãi anh chị không nhất trí trả vì anh chị H

M đã tính tiền lãi vào số tiền vay nợ ngày 29/01/2018. Ngoài ra anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

Qua xác minh tại địa phương thôn T, xã Đ và Công an xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên được cung cấp thông tin:

- Hiện nay anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H đều là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên về việc nộp đơn khởi kiện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M xác định:

- Tại sổ thụ lý đơn khởi kiện vụ án dân sự, quyển số 01 năm 2020 lưu tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thể hiện: Số thứ tự 106; người khởi kiện anh Trần Mạnh H (tên gọi khác Trần Văn H) và chị Nguyễn Thị M; ngày làm đơn khởi kiện 09/12/2020; nội dung đơn: Khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phương N; ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện 15/12/2020; thẩm phán được phân công giải quyết đơn: Thẩm phán Mạc Văn Tuyến.

Về tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án:

- Nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M cung cấp: 01 Giấy vay tiền đề ngày 29/01/2018 (bản chính); 01 Giấy khất nợ đề ngày 04/10/2018 (bản chính); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị M (bản phô tô); 01 Giấy ủy quyền ngày 17/02/2022 (bản chính).

- Bị đơn anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H cung cấp: Không.

Ngoài ra, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ; ra Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên các đương sự không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào N án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Thị H đều chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 157, 429, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M.

- Về nghĩa vụ trả tiền: Buộc anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H cùng có nghĩa vụ phải trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M tổng số tiền vay nợ cả gốc và lãi là 135.350.000 đồng, chia ra:

+ Anh Nguyễn Phương N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền là 67.675.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền là 67.675.000 đồng.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định.

+ Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề N Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết của Toà án*: Nguyên đơn anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị M khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án và tài liệu do Toà án xác minh thì bị đơn anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ tranh chấp*: Anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu anh N và chị Hạnh cùng có trách nhiệm trả số tiền vay nợ gốc là 94.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 29/01/2018 và tiền lãi suất chậm trả là 1%/tháng tính từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/5/2023 là 53 tháng x 940.000đ/tháng = 49.820.000 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi phải trả là 143.820.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận có việc vay nợ và việc đòi nợ, thời điểm đòi nợ gần nhất vào tháng 6/2021. Ngoài ra tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên về việc nộp đơn khởi kiện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M xác định: Ngày 15/12/2020 anh H và chị M đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên khởi kiện chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phương N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và đã được Tòa án nhận và thụ lý đơn. Căn cứ vào các Điều 157, 429 Bộ luật dân sự xác định thời hiệu khởi

kiện vụ án vẫn còn theo quy định. Do thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn nên căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3]. *Về việc vắng mặt của nguyên đơn anh Trần Văn H tại phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn H đã có bản tự khai và có giấy ủy quyền toàn bộ cho chị Nguyễn Thị M. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vắng mặt anh Hà tại phiên toà theo quy định.

[4]. *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M:*

- *Về nghĩa vụ trả tiền:* Theo lời trình bày của các đương sự và quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định: Ngày 29/01/2018 vợ chồng anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M cho vợ chồng anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H vay số tiền 94.000.000 đồng, khi vay các bên có lập hợp đồng vay tiền do chính tay chị H viết và có chữ ký xác nhận vay tiền của chị H và anh N. Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 30/3/2018 anh N và chị H sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay trên cho anh H, chị M nhưng đến ngày trả nợ anh N và chị H không trả tiền cho anh Hà, chị M. Anh H và chị M có đòi nợ nhiều lần thì đến ngày 10/4/2018 anh N, chị H viết giấy khất nợ và hẹn đến ngày 25/12/2018 anh N, chị H sẽ trả toàn bộ số tiền gốc đã vay và tiền lãi cho anh H, chị M. Đến hẹn trả nợ anh N, chị H không trả tiền cho anh H, chị M và từ đó đến nay chị H, anh N vẫn chưa trả tiền cho anh H, chị M. Nay anh H, chị M khởi kiện yêu cầu chị H và anh N cùng có trách nhiệm trả cho anh H, chị M tổng số tiền vay nợ gốc là 94.000.000 đồng. Anh N, chị H cho rằng ngày 29/01/2018 anh chị bị anh H, chị M đe dọa và yêu cầu anh chị viết giấy vay tiền với số tiền nợ là 94.000.000 đồng nhưng anh N, chị H không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh khi viết giấy vay tiền bị đe dọa, cưỡng ép nên có căn cứ xác định khi viết giấy vay tiền các bên thoả thuận hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức giao dịch được lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật nên văn bản có giá trị pháp lý. "Giấy vay tiền" đề ngày 29/01/2018 do anh H và chị M cung cấp cho Tòa án có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập, không bị vô hiệu và là chứng cứ để giải quyết vụ án. Mặt khác tại phiên tòa, anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H nhất trí trả nợ cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền còn nợ là 94.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M, buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phương N cùng có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền vay nợ gốc là 94.000.000đ (Chín mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ và cần được chấp nhận.

- *Về lãi suất:* Đối với yêu cầu của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M về việc buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phương N có trách nhiệm trả số tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/5/2023 là: 94.000.000 đồng x 1%/tháng x 53 tháng = 49.820.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H, chị M yêu cầu anh N, chị H phải trả tiền lãi suất đối với số tiền vay chậm trả là có căn cứ và được chấp nhận. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì việc anh H, chị M yêu cầu anh N, chị

H phải trả lãi suất chậm trả 1%/tháng đối với số tiền vay nợ gốc là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất là 0,83%/tháng đối với số tiền vay nợ gốc 94.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nên số tiền lãi chậm trả mà anh N, chị H phải trả cho anh H, chị M được tính như sau: 94.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 53 tháng = 41.350.000 đồng.

Như vậy, anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H cùng có nghĩa vụ phải trả cho anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị M tổng số tiền là 135.350.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 94.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 41.350.000 đồng.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

+ Anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định.

+ Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 157, 429, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M.

1. **Về nghĩa vụ trả tiền**: Buộc anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H cùng có nghĩa vụ phải trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M tổng số tiền vay nợ cả gốc và lãi là 135.350.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chia ra:

+ Anh Nguyễn Phương N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền là 67.675.000đ *(Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

+ Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền là 67.675.000đ *(Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Khoản tiền phải trả trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Thị H chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. **Về án phí**:

+ Anh Nguyễn Phương N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.383.000đ *(Ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng)*.

+ Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.383.000đ *(Ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng)*.

+ Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 423.500đ *(Bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.407.000đ *(Ba triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005857 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền chênh lệch là 2.983.500đ *(Hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng)*.

3. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự (nguyên đơn, bị đơn) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Tùng